

Bản án số: 139/2021/HS-ST
Ngày 21- 5- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Phạm Tú Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/HSST-QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình P, sinh năm: 1989 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1951 và bà Trần Thị M, sinh năm: 1957; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20/5/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 năm tù về tội Cường đoạt tài sản, Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản (Bản án số 172/2009/HSST); tạm giam từ ngày 17/11/2020, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1985 tại tỉnh Bến Tre; thường trú: Nguyễn Văn T, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1953 và bà Trần Kim C, sinh năm 1957; 01 em sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ 01 (một) ngày 17/11/2020, được thay đổi áp dụng biện pháp

ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/11/2020, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt .

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Trần Kim C, sinh năm 1957; địa chỉ: Nguyễn Văn T, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trịnh Tô Phan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 17/11/2020 Công an phường A phối hợp với Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố D tiến hành tuần tra trên địa bàn. Khi tổ tuần tra đến trước địa chỉ khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương phát hiện Nguyễn Đình P đang điều khiển xe mô tô biển số 71B1-691.52 chở Nguyễn Thị Ngọc N có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành dừng xe kiểm tra. P ném 01 gói nylon miệng kéo dính bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng có dán miếng băng keo đen bên ngoài xuống đường còn N lấy từ trong túi quần bên trái 01 gói nylon miệng kéo dính viền xanh bên trong chứa chất tinh thể màu trắng và 01 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng ném vào thùng rác; P và N khai nhận là ma túy nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

P và N khai nhận khoảng 23 giờ ngày 16/11/2020, P điều khiển xe mô tô biển số 71B1-691.52 chở Nguyễn Thị Ngọc N đến khu vực cầu vượt Tân Thới Hiệp thuộc Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh gặp người đàn ông mua 800.000 đồng ma túy được gói nylon miệng kéo dính đều chứa tinh thể màu trắng quấn băng keo màu đen. P lấy 01 gói bỏ vào túi quần trái của N và dặn “nếu có Công an thì lấy ra vứt bỏ”, còn 01 gói thì P dán vào lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe đi về tìm nơi sử dụng. Trên đường đi về thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Vật thu giữ: 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng có dán miếng băng keo đen (M2=0,3716 gam), 01 gói nylon miệng kéo dính viền xanh bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (M1-1=0,3520 gam) và 01 gói nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng (M1-2=0,2312 gam), 01 xe mô tô biển số 71B1-691.52.

Tại Kết luận giám định số 727/MT-PC09 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương: mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,3520 gam (M1-1), 0,2312 gam (M1-2), 0,3716 gam (M2) loại Methamphetamine.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho P và N, chưa xác định được lai lịch, địa chỉ khi nào xác minh được sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 71B1-691.52, nhãn hiệu Marron, màu đỏ, số khung RNDDCHLND51051010, số máy GZS152FMH-MA05001010 do bà Nguyễn Thị Thanh X chủ sở hữu. Ngày 15/01/2019 bà Trần Kim C, mẹ ruột của Nguyễn Thị Ngọc N mua chiếc xe với giá 2.000.000 đồng, nhưng không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Bà C khai nhận cho N mượn để đi công việc không biết việc N sử dụng làm phương tiện phạm tội đã trả xe cho bà C.

Tại cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đình P và Nguyễn Thị Ngọc N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình P, mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù và Nguyễn Thị Ngọc N, mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 gói nylon chứa ma túy được đựng trong bì thư niêm phong ghi số vụ 727/MT-PC09 (0,3286 gam (M1-1), 0,1322 gam (M1-2), 0,2087 gam (M2) ma túy, loại Methamphetamine) là mẫu vật hoàn lại sau giám định, cần tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo P không tranh luận, đối đáp gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng không khiếu nại gì. Tại cơ quan điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung vụ án: Hành vi tàng trữ ma túy, số lượng 0,3520 gam (M1-1), 0,2312 gam (M1-2), 0,3716 gam (M2), tổng trọng lượng là 0,9548 gam, loại Methamphetamine vào ngày 17/11/2020 tại trước địa chỉ khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Đình P và Nguyễn Thị Ngọc N thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 24

tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tù tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đối với bị cáo N phạm tội trong thời gian mang thai, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo nhân thân xấu, nghiện ma túy; đối với bị cáo N hiện đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi và bị cáo P bị Tòa án xét xử nhiều tội danh.

[7] Xử lý vật chứng: Đối với 01 gói nylon chứa ma túy được đựng trong bì thư niêm phong ghi số vụ 727/MT-PC09 (0,3286 gam (M1-1), 0,1322 gam (M1-2), 0,2087 gam (M2) ma túy, loại Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại sau giám định, cần tịch thu, tiêu hủy.

[8] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành; nên không xem là đồng phạm có tổ chức.

[9] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Đối với người đàn ông bán ma túy cho P và N, do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ khi nào xác minh được sẽ tiến hành xử lý sau.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình P, Nguyễn Thị Ngọc N phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2020.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc N 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ 01 (một) ngày 17/11/2020.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 02 bì thư niêm phong ghi số vụ 727/MT-PC09 bên trong có chứa ma túy có khối lượng (0,3286 gam (M1-1), 0,1322 gam (M1-2), 0,2087 gam (M2) ma túy, loại Methamphetamine.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/02/2021, bút lục 137).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình P, Nguyễn Thị Ngọc N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị cáo vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (02);
- VKSND tp D (01);
- Công an tp D (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS tp D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- UBND xã bị cáo TT (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân